

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê bền vững theo hướng sinh thái,
trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030, định hướng đến năm 2035

Cây cà phê là cây công nghiệp lâu năm, là cây trồng có lợi thế, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Sơn La được người sản xuất tiếp nhận và phát triển; cùng với những chủ trương, định hướng, chính sách của tỉnh, ngành cây cà phê tỉnh đã và đang phát triển, hình thành các vùng sản xuất lớn, tập trung đầu tư thâm canh, chuyên canh, theo chuỗi liên kết với diện tích 33.628 ha, duy trì sản xuất 05 theo chuỗi cà phê và có 05 sản phẩm cà phê được chứng nhận OCOP, duy trì quản lý cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “*cà phê Sơn La*” cho 8 tổ chức, tiếp tục phát triển cà phê theo hướng sinh thái, gắn với phát triển du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Sơn La góp phần phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất, chế biến và tiêu thụ cà phê hiện nay vẫn còn những hạn chế như quy mô sản xuất nhỏ lẻ, liên kết chuỗi chưa bền vững, chất lượng sản phẩm chưa đồng đều; sản phẩm cà phê chế biến sâu chưa nhiều, chưa có sản phẩm cà phê ứng dụng công nghệ cao, phát triển cà phê gắn với du lịch còn hạn chế thị trường tiêu thụ, xuất khẩu ngày càng đòi hỏi khắt khe về thực hiện truy xuất nguồn gốc, tuân thủ quy định về chống phá rừng và suy thoái rừng (EUDR) đối với ngành cà phê.

Để phát triển ngành hàng cà phê theo hướng bền vững, hiệu quả trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo như sau:

I- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Phát triển ngành cà phê theo hướng hiện đại, đồng bộ, bền vững, có tính cạnh tranh cao với các sản phẩm đa dạng, có chất lượng, mang lại giá trị gia tăng cao, nâng cao thu nhập cho người dân và doanh nghiệp. Phát triển hệ sinh thái kinh tế cà phê theo chuỗi đa giá trị bao gồm công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch, kinh tế carbon thấp. Phát triển cà phê phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch rừng và quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050, phù hợp với các quy định thương mại quốc tế.

Phát triển ổn định diện tích, đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, sản xuất cà phê có chứng nhận, cà phê đặc sản, hữu cơ và tăng

cường chế biến sâu, tuân thủ quy định về xuất khẩu, bảo vệ môi trường và bảo vệ thương hiệu cà phê Sơn La theo hướng bền vững, hiệu quả, từng bước hình thành nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Phát triển ổn định vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả; tập trung đầu tư thâm canh, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; số hóa dữ liệu trong quản lý sản xuất, truy xuất, minh bạch nguồn gốc sản phẩm đảm bảo tuân thủ quy định về xuất khẩu cà phê.

- Thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị sản xuất bền vững giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và nhà phân phối; hình thành vùng sản xuất cà phê tập trung, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn chứng nhận cà phê bền vững; quản lý phát triển bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Sơn La có uy tín trên thị trường.

- Phát triển khu công nghiệp chế biến; thu hút các doanh nghiệp đủ năng lực thu mua và chế biến cà phê, trọng tâm là xây dựng chuỗi liên kết bền vững, minh bạch hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; đầu tư hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt quy chuẩn môi trường và sử dụng có hiệu quả phụ phẩm để xử lý, sản xuất phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất cây trồng.

- Bố trí nguồn lực phù hợp với khả năng cân đối của tỉnh, phối hợp với các tổ chức hỗ trợ triển khai các hoạt động phát triển sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê bền vững, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm cà phê trong nước và thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phát triển ổn định diện tích cà phê bền vững, tăng cường thâm canh, tăng năng suất, đẩy mạnh tái canh với các giống có chất lượng cao; thực hiện chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, chế biến đảm bảo truy xuất nguồn gốc minh bạch sản phẩm cà phê; đến năm 2030 diện tích đạt 35.000 ha, sản lượng quả tươi đạt 420.000 tấn, sản lượng cà phê nhân đạt 60.000 tấn.

- Thực hiện phát triển cà phê đặc sản tại những vùng đất có điều kiện tự nhiên, thích hợp để đem lại chất lượng cà phê, quản lý chặt chẽ các khâu trong chuỗi giá trị cà phê đặc sản, đảm bảo phát triển bền vững ngành cà phê với diện tích 5.950 ha; phát triển vùng nguyên liệu cà phê theo tiêu chuẩn được chứng nhận cà phê bền vững (RA, 4C, GAP, hữu cơ,...) cấp mã số vùng trồng và các tiêu chuẩn tương đương đạt trên 80% diện tích cà phê cho thu hoạch.

- Rà soát diện tích cà phê trồng ở những nơi không thích hợp, năng suất thấp chuyển đổi sang cây trồng khác hiệu quả cao hơn. Tiếp tục trồng tái canh, ghép cải tạo diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp bằng các giống mới năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh với diện tích 9.800 ha.

- Thiết lập dữ liệu số hóa toàn bộ vùng trồng cà phê, quản lý chuỗi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu tuân thủ quy định EUDR cho sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Xây dựng 01 mô hình thí điểm giảm phát thải để nhân rộng; giảm ít nhất 15 % phát thải khí nhà kính từ trồng trọt so với năm cơ sở 2020.

- Đến năm 2030 hình thành và phát triển 4 vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao được công nhận; duy trì và phát triển chỉ dẫn địa lý cà phê Sơn La; phát triển vùng trồng cà phê theo hướng cảnh quan; những nơi có điều kiện thuận lợi, kết hợp vùng trồng cà phê với phát triển văn hóa, du lịch, dịch vụ...

- Tỷ lệ cà phê quả tươi được chế biến quy mô công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường đạt trên 80%, tỷ lệ cà phê nhân được chế biến sâu đạt trên 15%.

2.3. Định hướng đến năm 2035

Định hướng đến năm 2035: Diện tích ổn định 35.000 ha, sản lượng 440.000 tấn quả tươi, cà phê nhân: 62.800 tấn; trên 90% diện tích sản xuất cà phê được cấp chứng nhận bền vững và các tiêu chuẩn tương đương; diện tích tái canh 12.000 ha; cà phê đặc sản 7.000 ha; giảm ít nhất 20% phát thải khí nhà kính từ trồng trọt so với năm cơ sở 2020; trên 90% vùng trồng được số hóa, kiểm soát truy xuất nguồn gốc phục vụ thị trường tiêu thụ, xuất khẩu; hình thành và phát triển 06 vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao; tỷ lệ cà phê quả tươi được chế biến quy mô công nghiệp đạt trên 90%, tỷ lệ cà phê nhân được chế biến sâu đạt trên 20%, chuỗi giá trị cà phê được tổ chức đồng bộ, hiệu quả, phát triển cà phê trở thành ngành quan trọng vào phát triển kinh tế xanh của tỉnh.

II- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ

1.1. Công tác quản lý giống cà phê

Ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống cà phê vô tính ghép, giâm hom và nhân giống thực sinh đối với giống thuần lựa chọn hạt cà phê đủ tiêu chuẩn theo quy định. Đến năm 2030, có 85% giống cà phê được sản xuất bằng ứng dụng công nghệ cao; 100% giống cà phê đưa vào trồng truy xuất nguồn gốc, đảm bảo tiêu chuẩn cây giống theo quy định.

Đưa vào thử nghiệm và phát triển các giống cà phê mới có năng suất cao, khả năng chống chịu sâu bệnh, hạn hán và thích ứng biến đổi khí hậu nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn bền vững (EUDR) thông qua quy trình tái canh cà phê.

1.2. Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy doanh nghiệp làm trung tâm

- Tổ chức lại sản xuất cà phê theo hướng chuyên môn hoá, chuyên nghiệp hoá, thúc đẩy liên kết chặt chẽ "6 nhà"(Nhà nước; Nông dân; Nhà khoa học; Doanh nghiệp; Ngân hàng; Nhà phân phối). Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực cà phê phát triển, dẫn dắt tham gia sâu chuỗi giá trị cà phê toàn quốc, xây dựng thương

hiệu cà phê của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác, hội, tổ chức ngành, nghề để sản xuất cà phê hàng hoá lớn theo chuỗi. Có các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, trang trại.

- Rà soát phát triển ổn định diện tích cà phê bền vững theo phân bổ chỉ tiêu định hướng sử dụng đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, vùng có điều kiện tự nhiên, phù hợp với sản xuất cà phê và không gây mất rừng, suy thoái rừng; đối với diện tích già cỗi, kém hiệu quả, đẩy mạnh tái canh, ghép cải tạo bằng các giống cà phê năng suất cao, kháng bệnh tốt; đối với vùng sản xuất cà phê kém hiệu quả thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho hiệu quả cao hơn.

- Đổi mới cơ cấu giống cà phê để tăng năng suất, sản lượng. Ưu tiên tập trung thúc đẩy phát triển sản xuất cà phê có lợi thế với từng vùng theo hướng hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

1.3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến cà phê để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ xuất khẩu

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến để tạo ra sản phẩm chất lượng cao, nâng tầm thương hiệu "*Cà phê Sơn La*" đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ xuất khẩu.

- Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ hiện trạng vùng cà phê để phân loại diện tích rủi ro, kiểm soát chặt chẽ sản xuất, chế biến, truy xuất nguồn gốc phục vụ thị trường tiêu thụ, xuất khẩu, nhất là thị trường EU.

- Tăng cường phát triển kinh tế tuần hoàn trong sản xuất cà phê, phát triển cà phê đặc sản, diện tích cà phê sản xuất theo cấp chứng nhận cà phê bền vững và được cấp mã số vùng trồng; truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng quy định của EUDR; sử dụng có hiệu quả phế phụ phẩm từ sản phẩm cà phê để làm phân bón cho cây trồng.

- Đẩy mạnh các biện pháp kỹ thuật sản xuất giảm phát thải, khuyến khích sử dụng vật tư đầu vào thân thiện với môi trường, phấn đấu đến năm 2030 giảm ít nhất 15 % phát thải khí nhà kính từ trồng trọt so với năm cơ sở 2020.

1.4. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị cà phê trên địa bàn tỉnh

- Thành lập mới, tổ chức hoạt động có hiệu quả đối với các hợp tác xã hiện có thực hiện tốt vai trò "*cầu nối*" liên kết phát triển sản xuất, tiêu thụ cà phê bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế, cà phê đặc sản nâng cao giá trị sản xuất.

- Tăng cường liên kết sản xuất giữa người dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã lớn để hình thành các chuỗi giá trị, lấy chuỗi giá trị cà phê để kết nối các vùng chuyên canh hình thành các vùng nguyên liệu tập trung. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Tăng cường phát triển công nghiệp chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh, tăng tỷ trọng chế biến sâu cà phê. Đầu tư phát triển các cơ sở chế biến cà phê theo hướng đa dạng sở hữu, đa dạng hóa sản phẩm chế biến. Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh chính.

1.5. Chế biến, bảo quản

Các cơ sở sản xuất, chế biến cà phê công nghiệp hiện có tiếp tục duy trì, nâng cấp dây chuyền, trang thiết bị sản xuất chế biến cà phê để đáp ứng nhu cầu chế biến sản lượng quả cà phê, các cơ sở chế biến cà phê tuân thủ quy định về môi trường theo đúng quy định.

Thu hút đầu tư mới một số nhà máy chế biến cà phê có quy mô trên 200 tấn quả tươi/ngày gắn với chế biến sâu tại địa bàn các khu chế biến công nghiệp các xã Mai Sơn, Thuận Châu, Chiềng La, Chiềng Mai, Bình Thuận, Sốp Cộp và phường Chiềng Sinh, Chiềng Cơi; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cà phê quả tươi được chế biến quy mô công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường đạt trên 80%, có 15% sản lượng cà phê nhân được chế biến sâu, chế biến cà phê đặc sản.

1.6. Tiêu thụ quảng bá, xúc tiến thương mại

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các cơ chế hợp tác quốc tế để xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hoá thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm cà phê.

- Phát triển cà phê gắn với chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP). Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh sản phẩm OCOP trên thị trường trong, ngoài nước.

- Thực hiện tốt việc tổ chức Lễ hội Cà phê tỉnh Sơn La gắn với xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp, du lịch và các sự kiện lớn của tỉnh. Tham gia lễ hội cà phê tổ chức tại các tỉnh; tổ chức, tham gia các hội thảo khoa học, hội nghị liên quan đến sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ cà phê vừa quảng bá giới thiệu sản phẩm cà phê Sơn La trong và ngoài nước, nhất là thị trường nước ngoài có tiềm năng.

- Đổi mới phương thức xúc tiến, tham gia hội chợ quốc gia, kết hợp chuyển đổi số với chuyển đổi xanh, đưa các sản phẩm cà phê, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử, chợ nông sản thương mại điện tử; tập trung vào tiêu chuẩn bền vững và truy xuất nguồn gốc mở rộng thị trường xuất khẩu cho cà phê Sơn La.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giải pháp quy hoạch và tổ chức sản xuất

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch vùng trồng cà phê phù hợp điều kiện sinh thái từng địa phương; phát triển theo hướng tập trung, liên kết vùng, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn. Khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết chuỗi giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

Rà soát diện tích cà phê trồng ở những nơi không thích hợp, năng suất thấp chuyển đổi sang cây trồng khác cho hiệu quả cao hơn.

2.2. Giải pháp về công tác quản lý giống cà phê

Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tuân thủ quy định về giống cây trồng, các hộ dân trồng mới cà phê bằng các giống mới theo đúng quy định phải đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, rõ nguồn gốc; có năng suất, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp với khả năng đầu tư, thâm canh của địa phương.

Tăng cường công tác quản lý giống cà phê hiệu quả bao gồm việc kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc từ các cơ sở uy tín, sử dụng giống đúng quy định và áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2.3. Giải pháp ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển sinh thái

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao giống cà phê mới năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; áp dụng quy trình canh tác đặc sản, hữu cơ, tuần hoàn; Tăng cường quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc; phát triển cà phê chứng nhận (*VietGAP, hữu cơ, Rainforest Alliance...*)

Chuyển giao, ứng dụng công nghệ số công nghệ số trong quản lý canh tác, theo dõi sức khỏe cây trồng qua hình ảnh vệ tinh thích ứng biến đổi khí hậu, quản lý sâu bệnh cây trồng tổng hợp.

Áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới phun mưa tự động kết hợp bón phân qua nước giúp tiết kiệm nước và phân bón ở vùng có điều kiện.

2.4. Giải pháp phát triển chế biến và thị trường

Ưu tiên thu hút đầu tư vào chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm (*cà phê rang xay, hòa tan, đặc sản...*); nâng cao giá trị gia tăng. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu; phát triển thương hiệu cà phê Sơn La gắn với chỉ dẫn địa lý, bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Nghiên cứu sâu về từng loại thị trường tiêu thụ cà phê trong nước và quốc tế về thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng để có chiến lược chế biến sâu, xuất khẩu bền vững, phù hợp với thị trường định hướng xuất khẩu.

2.5. Gắn với phát triển du lịch, dịch vụ

Xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm gắn với vùng cà phê; phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng như tham quan, thu hái, chế biến, thưởng

thức cà phê. Kết nối với các tuyến, điểm du lịch trong tỉnh; phát triển hệ thống dịch vụ, lưu trú, ẩm thực gắn với văn hóa bản địa.

Hình thành làng nghề phát triển sản xuất cà phê đặc sản, sản phẩm OCOP gắn với các điểm du lịch thăm quan, trải nghiệm thúc đẩy du lịch nông thôn.

2.6. Cơ chế, chính sách và nguồn lực

Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cà phê theo hướng sinh thái; ưu tiên nguồn lực đầu tư hạ tầng vùng sản xuất, giao thông, thủy lợi, chuyển đổi số. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất; huy động nguồn lực xã hội hóa; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án ODA để đầu tư hạ tầng vùng nguyên liệu, hỗ trợ chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại trong chế biến sâu sản phẩm cây cà phê; cơ giới hoá, tự động hoá trong sản xuất, chế biến công nghiệp và chế biến ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm cây cà phê.

Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ để người nông dân dần hình thành tư duy sản xuất kinh tế cà phê hàng hoá lớn, chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến các sản phẩm từ cà phê; có kiến thức và kỹ năng số, đặc biệt là thương mại điện tử; chủ động thích ứng biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh; có tinh thần trách nhiệm và hợp tác cùng phát triển các sản phẩm cà phê.

2.7. Công tác quản lý, tổ chức thực hiện

Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về phát triển cà phê bền vững, gắn với bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thuyết phục người dân từ bỏ thói quen canh tác truyền thống, hướng tới sản xuất cà phê đạt tiêu chuẩn an toàn, có truy xuất nguồn gốc minh bạch để đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế, tuyên truyền để người dân hiểu rõ lợi ích lâu dài của phát triển cà phê bền vững thay vì sản xuất tự phát, nhỏ lẻ.

Phát huy vai trò của đảng viên đóng vai trò kết nối giữa chủ trương của Đảng với thực tiễn sản xuất của người dân: Tuyên dương, nhân rộng mô hình đảng viên là người đầu tiên mạnh dạn chuyển đổi giống cây trồng, áp dụng mô hình tái canh cây cà phê; khuyến khích đảng viên đi đầu trong việc áp dụng quy trình canh tác thông minh, tiêu chuẩn cà phê đặc sản và chứng nhận bền vững để đáp ứng các quy định mới của thị trường quốc tế như Châu Âu; đảng viên là chủ của các mô hình kinh tế giỏi, vườn mẫu về sản xuất cà phê bền vững chia sẻ kinh nghiệm để bà con học tập và làm theo.

Thành lập, tăng cường vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Đảng Ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng cơ chế, chính sách và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận này, phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Rà soát, đề xuất ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh các nguồn lực tập trung thực hiện chương trình tái canh, cải tạo diện tích cà phê già cỗi; mở rộng diện tích cà phê theo hướng hữu cơ, diện tích cà phê sản xuất theo các tiêu chuẩn và được cấp mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng quy định của EUDR phù hợp với quy hoạch phát triển cà phê của tỉnh.

- Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kết luận này, nhân rộng cách làm hay, hiệu quả và kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Hằng năm (*trước ngày 20/1*) định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*).

3. Giao Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Tăng cường tuyên truyền, vận động hướng dẫn hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ, cà phê bền vững theo hướng sinh thái trên địa bàn tỉnh Sơn La; Tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Kết luận này trên địa bàn tỉnh tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

4. Giao Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền Kết luận này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tuyên truyền các chủ trương, mô hình hiệu quả, cách làm hay; nắm tình hình tư tưởng, dư luận trong Nhân dân, kịp thời tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

5. Giao Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, phường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện Kết luận này, phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng của từng địa phương về phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ, cà phê bền vững theo hướng sinh thái; phát triển cà phê đặc sản có giá trị cao, phát triển diện tích sản xuất theo hướng hữu cơ, diện tích cà phê sản xuất theo các tiêu chuẩn và được cấp mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm đáp ứng quy định của EUDR. Định kỳ

(trước ngày 20/12) hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kết luận này./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường,
- Các sở, ban, ngành của tỉnh,
- Lưu: VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Lò Minh Hùng